

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 07/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 07h00 * Ngày thi: 26/07/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28212302316	Đặng Hồ Quốc	Anh	01/07/2004	Đắk Lắk	32THT6	5.0	3.8	Không Đạt	
2	28212347422	Nguyễn Công Tuấn	Anh	08/05/2004	Quảng Trị	32TYC4	6.0	5.5	Đạt	
3	30206659375	Nguyễn Ngọc Châu	Anh	06/03/2006	Quảng Nam	32TYC4	8.0	3.5	Không Đạt	
4	30208036001	Nguyễn Thị Vân	Anh	23/12/2006	Đà Nẵng	32TYC4	4.3	5.0	Không Đạt	
5	30218058185	Nguyễn Hữu	Ảnh	04/03/2006	Quảng Trị	32TYC4	3.3	5.0	Không Đạt	
6	28212205853	Trần Quốc	Âu	06/02/2004	Quảng Nam	32CYC3	V	6.3	Không Đạt	
7	29209521458	Nguyễn Thị	Bích	23/10/2005	Đắk Lắk	32TYC4	9.7	9.5	Đạt	
8	28207354440	Nguyễn Thị	Bình	12/06/2004	Bình Định	32CYC3	8.7	6.0	Đạt	
9	28217452392	Trịnh Quốc	Cường	11/02/2004	Thái Bình	32CBN4	9.3	9.8	Đạt	
10	27215439276	La Kiến	Đạt	31/10/2003	Trà Vinh	32CBN4	7.7	5.0	Đạt	
11	28218151531	Phan Hoàng	Đức	26/09/2004	Quảng Nam	32CYC3	5.7	5.8	Đạt	
12	28212301917	Phan Thế	Đức	31/08/2003	Đắk Lắk	32TYC4	5.3	2.0	Không Đạt	
13	28217353004	Lăng Hải	Dương	16/09/2004	Lâm Đồng	32TYC4	8.7	6.0	Đạt	
14	30209441291	Nguyễn Thị Châu	Giang	15/06/2006	Hà Tĩnh	32TYC4	6.0	5.0	Đạt	
15	30204629317	Dương Thị Mỹ	Hà	08/03/2006	Quảng Ngãi	32TYC4	8.3	6.5	Đạt	
16	30212356988	Lê Tất Trung	Hiếu	21/06/2006	Đà Nẵng	32CBN4	4.7	4.3	Không Đạt	
17	28207202210	Nguyễn Lê Phương	Hoa	05/05/2004	Phú Yên	32CYC3	9.3	8.5	Đạt	
18	28212200957	Nguyễn Vũ	Hoàng	17/01/2004	Quảng Nam	32CYC3	7.3	9.8	Đạt	
19	28217354026	Nguyễn Phi	Hùng	08/10/2004	Tây Ninh	32CBN4	9.0	9.5	Đạt	
20	29209521752	Nguyễn Thị Bích	Huyền	14/02/2005	Đắk Lắk	32TYC4	9.0	8.5	Đạt	
21	27215351801	Nguyễn Tiến	Khải	19/10/2003	Phú Yên	32CYC3	9.0	7.8	Đạt	
22	26215334494	Đoàn Bùi Minh	Khánh	30/11/2002	Phú Yên	32TYC4	5.0	9.0	Đạt	
23	28212305317	Phạm Hoàng	Lâm	19/03/2004	Quảng Bình	32TYC4	8.0	5.5	Đạt	
24	30206550224	Phạm Thị Khánh	Linh	12/03/2006	Quảng Trị	32TBN6	9.0	3.8	Không Đạt	
25	27215453400	Phan Hà	Linh	29/09/2003	Hải Dương	32CBN4	6.7	6.8	Đạt	
26	30206522482	Võ Thị Thúy	Loan	09/07/2006	Quảng Ngãi	32CBN4	9.7	7.5	Đạt	
27	30208158043	Ngô Thị Thanh	Lộc	16/01/2006	Quảng Nam	32CBN4	8.7	5.3	Đạt	
28	28212304705	Hồ Văn	Long	21/07/2004	Bình Định	32TYC4	7.0	5.3	Đạt	
29	28212248299	Lê Vũ	Long	31/01/2004	Gia Lai	32CYC3	6.3	6.0	Đạt	
30	28217404385	Lê Trần Gia	Minh	17/11/2004	Đà Nẵng	32CBN4	9.0	10.0	Đạt	
31	31210253054	Phạm Chí	Minh	07/11/2006	Đà Nẵng	32TYC4	7.0	4.0	Không Đạt	
32	29207448294	Phạm Thị Trà	My	01/05/1999	Quảng Bình	32TYC4	10.0	9.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	29208164930	Huỳnh Nguyễn Ly	Na	21/11/2005	Quảng Nam	32CBN4	7.3	7.0	Đạt	
34	30206558914	Nguyễn Lê	Na	10/06/2006	Đắk Lắk	32TYC4	5.0	5.5	Đạt	
35	27215339035	Dương Quốc	Nam	24/11/2003	Hà Tĩnh	32TSC4	9.3	9.0	Đạt	
36	28207404733	Lê Hiền	Ngân	07/11/2004	Quảng Ngãi	32CBN4	8.7	9.3	Đạt	
37	30206753926	Thị Thị Bảo	Ngân	21/05/2006	Quảng Nam	32CBN4	4.3	4.5	Không Đạt	
38	27215301001	Phan Cao Hồng	Nghĩa	25/09/2003	Gia Lai	32TSC4	8.0	5.8	Đạt	
39	28217402711	Nguyễn Duy	Ngọc	14/08/2004	Lâm Đồng	32CBN4	9.7	9.8	Đạt	
40	30204552769	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	31/10/2006	Quảng Nam	32CBN4	8.7	7.5	Đạt	
41	28207403185	Trương Thị	Nhâm	12/01/2004	Quảng Bình	32CBN4	10.0	8.8	Đạt	
42	30206554693	Bùi Thị Tâm	Như	08/01/2006	Quảng Nam	32CBN4	7.7	6.5	Đạt	
43	30204826309	Lê Thị Quỳnh	Như	07/03/2006	Quảng Bình	32TYC4	3.3	3.0	Không Đạt	
44	30206229765	Phạm Thị	Nhung	25/10/2006	Quảng Ngãi	32CYC3	7.0	5.0	Đạt	
45	28212204195	Nguyễn Nhật	Phi	25/04/2004	Kon Tum	32CYC3	5.0	6.5	Đạt	
46	30216258706	Nguyễn Trọng	Phước	14/09/2006	Đà Nẵng	32CBN4	7.0	10.0	Đạt	
47	30206554706	Đặng Thị Thu	Phuong	08/03/2006	Quảng Nam	32TYC4	6.3	5.0	Đạt	
48	28219405077	Đoàn Tấn	Quốc	20/10/2004	Quảng Nam	32CYC3	9.3	6.5	Đạt	
49	30206263046	Võ Thị Kim	Quyên	27/09/2006	Quảng Ngãi	32CBN4	9.0	9.8	Đạt	
50	28219433475	Hoàng Ngọc	Quyên	15/09/2004	Quảng Trị	32TYC4	5.0	8.5	Đạt	
51	28217450455	Bành Quang	Sang	04/07/2004	Bình Định	32CYC3	8.0	9.0	Đạt	
52	28212201573	Trần Chí	Sang	11/06/2004	Bình Định	32CYC3	8.0	5.8	Đạt	
53	28212304698	Nguyễn Thế	Sáng	14/12/2004	Gia Lai	32TYC4	5.7	5.5	Đạt	
54	28217401977	Lê Quốc	Thái	02/01/2004	Đồng Nai	32CBN4	8.7	8.8	Đạt	
55	28212251427	Đỗ Ngọc	Thanh	11/10/2004	Quảng Ngãi	32CYC3	5.3	6.0	Đạt	
56	30204460719	Nguyễn Hoài Phương	Thảo	21/07/2006	Phú Yên	32CBN4	8.3	6.3	Đạt	
57	28212205063	Phan Đức	Thọ	16/06/2004	Đà Nẵng	32CYC3	5.3	5.3	Đạt	
58	28212345428	Lê Minh	Thông	20/04/2004	Quảng Nam	32CYC3	9.0	7.5	Đạt	
59	27208740946	Trần Ngọc Song	Thư	01/04/2003	Hồ Chí Minh	32CBN4	10.0	7.5	Đạt	
60	30206754991	Trương Thị Minh	Thư	22/01/2006	Quảng Nam	32CBN4	10.0	6.0	Đạt	
61	30214156008	Nguyễn Tấn	Thuần	13/03/2006	Quảng Ngãi	32TYC4	5.0	5.0	Đạt	
62	30214655822	Dương Đình Nhật	Tiến	17/01/2006	Quảng Trị	32CYC3	8.7	6.5	Đạt	
63	27205326690	Nguyễn Nhất	Tinh	17/01/2003	Bình Định	32TSC4	7.7	6.0	Đạt	
64	27215354169	Nguyễn Thu	Trà	12/08/2003	Hà Nội	32CBN3	9.3	6.3	Đạt	
65	29206524542	Lê Ngọc Thu	Trâm	09/09/2005	Đà Nẵng	32TYC4	7.7	5.5	Đạt	
66	30208044325	Huỳnh Thị Kiều	Trinh	22/03/2006	Quảng Nam	32CBN4	6.7	6.0	Đạt	
67	30206520581	Nguyễn Thị	Trinh	02/06/2006	Quảng Trị	32TYC4	8.0	5.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	30206250745	Nguyễn Thị Phương	Trinh	26/07/2004	Quảng Nam	32CBN4	7.7	8.8	Đạt	
69	30206551664	Võ Thị Mai	Trinh	03/08/2006	Quảng Nam	32TYC4	7.3	4.0	Không Đạt	
70	28217348255	Phạm Hoàng	Trung	14/09/2003	Quảng Nam	32CYC3	8.7	9.5	Đạt	
71	30212350781	Huỳnh Văn	Trưởng	12/02/2006	Quảng Ngãi	32TYC4	8.7	10.0	Đạt	
72	28217403055	Phan Văn Quý	Tuấn	26/09/2004	Quảng Nam	32CBN4	9.7	9.8	Đạt	
73	28217438274	Võ Đình	Tuấn	31/10/2004	Lâm Đồng	32TYC4	8.0	7.3	Đạt	
74	28205206766	Trần Thụy Phương	Uyên	12/03/2004	Đà Nẵng	32CBN4	4.0	3.0	Không Đạt	
75	28207348156	Đoàn Thị Thanh	Vân	19/03/2004	Lâm Đồng	32CYC3	9.3	9.5	Đạt	
76	29206563300	Đặng Huỳnh Điều	Vũ	15/08/2004	Đà Nẵng	32CYC3	5.3	5.3	Đạt	
77	28217404036	Phạm Hoàng	Vũ	22/11/2004	Quảng Bình	32CBN4	10.0	8.8	Đạt	
78	30202754271	Lương Phương	Vy	02/05/2006	Đà Nẵng	32CYC3	5.3	5.0	Đạt	
79	29206557571	Lương Thị Cẩm	Vy	08/09/2005	Quảng Nam	32TYC4	9.0	5.0	Đạt	
80	30204638075	Nguyễn Thảo	Vy	04/01/2006	Kon Tum	32TYC4	3.7	3.3	Không Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh